

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HC-ST

Ngày: 06 - 9 - 2023

Về việc khiếu kiện quyết định
hành chính về bồi thường, hỗ
trợ và tái định cư

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tuấn

Ông Lê Hoàng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 13/2023/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*”. Phiên tòa trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Điểm cầu thành phần tại Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Phương Q, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Đường số 2, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C;

Địa chỉ: Số 02 Hùng Vương, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quốc V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C:

- Ông Đỗ Quang H, sinh năm 1975 - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C; Địa chỉ: Số 9-11, đường Bà Triệu, khóm 8, phường 5, thành phố C (có mặt).

- Lê Văn Mau, sinh năm 1974 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C; Địa chỉ: Số 179A, đường Đ, khóm 2, phường 1, thành phố C (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

Địa chỉ: Số 77 Ngô Quyền, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thành phố C.

Địa chỉ: Số 77 Ngô Quyền, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C:* Ông Tô Hoài P; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Ủy ban nhân dân thành phố C:* Ông Bùi Tứ H; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C:*

1. Ông Đặng Minh V, sinh năm 1979; chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C (có mặt).

2. Ông Lê Quốc T, sinh năm 1977; chức vụ: Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện Dự án Nâng cấp đô thị đồng bằng sông Cửu Long – Tiểu dự án thành phố Cà Mau, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án LIA-1, tại Quyết định số: 370/QĐ-UBND ngày 05/8/2013. Trong đó, phần đất của ông Trần Phương Q được Ủy ban nhân dân thành phố C thu hồi để thực hiện dự án với diện tích là 50,90m² theo Quyết định số: 300/QĐ-UBND ngày 15/11/2013 và Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 10/4/2014. Ngoài việc bồi thường về đất thì hộ ông Trần Phương Q còn được bồi thường về 02 căn nhà là 225.438.336 đồng do phải giải tỏa tháo dỡ toàn bộ 02 căn nhà, ông Trần Phương Q đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất. Đồng thời, ông Trần Phương Q chấp hành tháo dỡ hoàn toàn 02 căn nhà để bàn giao mặt bằng thực hiện Dự án, xây cất lại 01 căn nhà mới trên phần đất còn lại (nằm ngoài ranh giải phóng mặt bằng).

Ngày 08/9/2015, Chánh Thanh tra tỉnh C ban hành Kết luận thanh tra số: 05/KL-TT, về kết quả thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với nhiệm vụ được giao tại Ban Quản lý Dự án Nâng cấp đô thị thành phố C và Ban Quản lý Dự án thành phố C, đã kết luận: Phương án bồi thường, hỗ trợ có sai sót, đã chi thừa cho hộ ông Trần Phương Q số tiền 84.831.846 đồng; trường hợp này thì hộ ông Trần Phương Q chỉ được hỗ trợ 20% chi phí sửa chữa phần nhà còn lại với số tiền là 23.434.415 đồng.

Trước đó, ngày 10/4/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 335/QĐ-UBND phê duyệt Phương án (bổ sung lần 2) về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư L1A-1. Theo đó, phần đất và nhà của ông Trần Phương Q được điều chỉnh bổ sung, bồi thường, hỗ trợ, cụ thể như sau:

+ Bồi thường về đất bị ảnh hưởng Dự án với tổng diện tích 51,40m², trong đó: Diện tích đất vận động hiến là 13,20m²; bồi thường bổ sung 70% giá đất đối

với diện tích 38,20m² theo giá đất ở, do đó số tiền bồi thường về đất tăng thêm là 22.075.912 đồng.

+ Bồi thường về nhà 01: Được điều chỉnh bồi thường đến cột chịu lực nên diện tích nhà bị giảm chỉ còn 27,45m², do đó số tiền bồi thường bị giảm chỉ còn 54.325.472 đồng; đồng thời không còn bồi thường về trần nhà bằng ván ép formeca.

+ Bồi thường về nhà 02: Được giữ nguyên với tổng số tiền bồi thường là 62.846.605 đồng.

+ Tổng số tiền bồi thường về nhà, công trình vật kiến trúc cho 02 căn nhà đã giảm chỉ còn 117.172.076 đồng.

+ Ngoài ra, có điều chỉnh hỗ trợ thêm về chính sách sửa chữa căn nhà 01 (20%) với số tiền là 23.434.415 đồng.

+ Qua đối trừ số tiền bồi thường, hỗ trợ giữa 02 Phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt, giữa số tiền mà ông Trần Phương Q đã nhận và chưa nhận (do bổ sung) thì hộ ông Trần Phương Q phải nộp hoàn trả lại số tiền 62.755.933 đồng {(22.075.912 đồng + 117.172.076 đồng + 23.434.415 đồng) - 225.438.336 đồng}.

Sau khi thực hiện điều chỉnh bổ sung Phương án nêu trên, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C vận động ông Trần Phương Q nộp lại số tiền theo Phương án bổ sung đã phê duyệt. Tại buổi làm việc ngày 11/6/2015, ông Trần Phương Q đã thống nhất sẽ hoàn trả số tiền này và đề nghị thanh toán bằng phương thức trả dần theo từng tháng.

Ngày 15/8/2022, ông Trần Phương Q đến Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C nộp đủ số tiền là 62.755 933 đồng. Sau khi nộp hoàn trả tiền, ông Trần Phương Q gửi Đơn khiếu nại về việc Ủy ban nhân dân thành phố C truy thu tiền và ông yêu cầu bồi thường thiệt hại vì ông không có trách nhiệm phải thực hiện theo Kết luận thanh tra số: 05/KL-TT ngày 08/9/2015 của Chánh Thanh tra tỉnh C.

Ông Trần Phương Q (người khởi kiện) xác định: Ông đã thực hiện nghiêm Quyết định số: 370/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 của Chủ tịch UBND thành phố C; Thông báo nhận tiền bồi thường số: 713/TB-HĐBT ngày 12/11/2013 và ông đã tháo dỡ toàn bộ 02 ngôi nhà, giao mặt bằng cho Dự án thi công trước khi nhận đủ số tiền: 225.438.336 đồng. Số tiền nhận bồi thường ông đã dùng vào việc xây dựng hoàn tất lại ngôi nhà trên phần đất ngoài dự án. Sau đó thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C mới thông tin là ngày 08/9/2015 Chánh Thanh tra tỉnh C đã ban hành Kết luận số 05/KL-TT: Do sai sót của cơ quan chức năng, nhà ông không thuộc giải tỏa trắng. Dựa vào kết luận này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C chỉ đạo thu hồi của ông số tiền bồi thường là 84.831.864 đồng, buộc lòng ông phải nộp lại đủ số tiền trên cho Ủy ban nhân dân thành phố C. Do ông không sai trong việc giải tỏa trắng ngôi nhà của mình và ông cũng đã tháo dỡ xong toàn bộ 02 ngôi nhà và đã giao xong mặt bằng nên ông không có nghĩa vụ phải nộp lại số tiền 84.381.846 đồng như đã nêu trên. Ngày 24/8/2022, ông đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố C về việc bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông và Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông nên ông yêu cầu hủy toàn bộ nội dung Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh C và Quyết định số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố C và buộc Ủy ban nhân dân thành phố C hoàn trả lại cho ông số tiền 84.381.846 đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (người bị kiện) xác định: Nguồn vốn thực hiện dự án LIA- 1 là do Ủy ban nhân dân thành phố C vay vốn của Ngân hàng để thực hiện dự án. Quá trình thực hiện khảo sát, lập phương án bồi thường cho các hộ dân có nhà đất bị thu hồi để thực hiện dự án (trong đó có hộ gia đình ông Trần Phương Q) theo Quyết định số: 370/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 thì Ủy ban nhân dân thành phố C lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư không đúng với quy định của pháp luật trong việc xác định giải tỏa toàn bộ 02 căn nhà của ông Trần Phương Q dẫn đến việc phê duyệt bồi thường cho hộ gia đình ông Trần Phương Q theo Thông báo số: 713/TB-HĐBT ngày 12/11/2013 là không đúng với quy định, nên Ủy ban nhân dân thành phố đã lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 10/4/2014. Việc lập lại phương án về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bổ sung lần 2), thì ông Trần Phương Q đã được chi trả thừa tiền bồi thường là 84.831.846 đồng. Bên cạnh đó Nhà nước bổ sung bồi thường về đất bằng số tiền 22.075.912 đồng, được đối trừ thì ông Trần Phương Q phải nộp lại số tiền 62.755.933 đồng, ông Trần Phương Q thống nhất và cũng đã nộp lại xong số tiền trên. Việc Ủy ban nhân dân thành phố C đã lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 là đúng theo quy định của pháp luật nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phương Q, giữ nguyên Quyết định số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố C và Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phương Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phương Q về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C; không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C hoàn lại số tiền 62.755.933 đồng. Tách yêu cầu về bồi thường thiệt hại của ông Trần Phương Q để giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét

xử nhận định:

[1] *Xét về tố tụng:* Người bị kiện đã có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật và người được ủy quyền có mặt tại phiên tòa.

[2] *Xét về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ việc:* Ông Trần Phương Q khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố C và Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại và buộc Ủy ban nhân dân thành phố C hoàn trả lại cho ông số tiền 84.381.846 đồng. Đây là các Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố C, Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính thì đây là các Quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Việc ông Trần Phương Q khiếu nại các Quyết định hành chính đến cơ quan hành chính và người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục luật định; việc khởi kiện đúng theo quy định về thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] *Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính mà ông Trần Phương Q khởi kiện:* Quyết định số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố C và Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh C là các quyết định giải quyết khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố C, Chủ tịch UBND tỉnh C ban hành đúng trình tự và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[4] *Xét về Quyết định hành chính có liên quan:* Ngoài 02 Quyết định hành chính bị kiện (QĐ 707 và QĐ 5353) thì nội dung khởi kiện của ông Trần Phương Q liên quan đến việc Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 370/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 phê duyệt Dự án Nâng cấp đô thị đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Cà Mau, Thông báo số: 713/TB-HĐBT ngày 12/11/2013 về việc Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số: 335/QĐ-UBND phê duyệt Phương án (bổ sung lần 2) và Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 về Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên các Quyết định phê duyệt phương án và Thông báo nhận tiền bồi thường nêu trên là các Quyết định hành chính, Văn bản hành chính có liên quan, cần phải được xem xét.

[5] *Xét về căn cứ ban hành Quyết định hành chính, văn bản hành chính và nội dung khởi kiện:* Ông Trần Phương Q không đồng ý với việc UBND thành phố C ban hành Quyết định số: 335/QĐ-UBND phê duyệt Phương án (bổ sung lần 2) và Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 về Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để buộc ông nộp lại số tiền bồi thường 62.755.933 đồng. Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố buộc ông phải nộp chứ không phải ông tự nguyện nộp mà không có lý do, trong khi khoản bồi thường trên do thiệt hại về căn nhà phải giải tỏa và ông cũng đã tự nguyện tháo dỡ nhà để giao đất, vì phần căn nhà của ông đã bị tháo dỡ nên khoản thiệt hại này ông phải chịu trong khi không do lỗi của ông,

nên ông yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố C; Chủ tịch UBND tỉnh C và Ủy ban nhân dân thành phố C chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho ông số tiền bồi thường với hình thức hoàn lại cho ông số tiền 62.755.933 đồng mà ông đã nộp theo Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 về Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Thông qua nội dung vụ án được người khởi kiện, người bị kiện thừa nhận thì giữa các bên hoàn toàn thống nhất (*không có ý kiến tranh chấp*) về diện tích đất của ông Trần Phương Q bị Ủy ban nhân dân thành phố C quyết định thu hồi để thực hiện dự án tại Quyết định số: 300/QĐ-UBND ngày 15/11/2013 và Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 10/4/2014; thống nhất về giá trị đất được bồi thường; thống nhất về giá trị tài sản gắn liền với đất được bồi thường trong phạm vi giải tỏa thực hiện dự án và cũng không tranh chấp về lĩnh vực tái định cư. Nên các vấn đề được các bên thống nhất ý kiến, không có tranh chấp với nhau nên không đặt ra xem xét. Các bên chỉ không thống nhất với nhau, tranh chấp với nhau về việc bồi thường đối với phần tài sản phải giải tỏa là căn nhà số 01 của hộ ông Trần Phương Q.

Theo Quyết định số: 370/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 phê duyệt Dự án Nâng cấp đô thị đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố C và Thông báo số: 713/TB-HĐBT ngày 12/11/2013 về việc Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì phần tài sản gắn liền với đất của hộ ông Trần Phương Q buộc phải giải tỏa toàn bộ (*giải tỏa trắng*) là 02 căn nhà cấp IV và được bồi thường tổng giá trị 02 căn nhà bằng 226.938.336 đồng. Trong đó ngôi nhà 01 có diện tích 78,30m² được bồi thường bằng 162.591.732 đồng; ngôi nhà 02 có diện tích 25,65m² được bồi thường bằng 62.846.605 đồng. Ông Trần Phương Q đã thực hiện việc giải tỏa theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố C, đã tháo dỡ toàn bộ 02 căn nhà và nhận đủ tiền bồi thường.

Tại Kết luận thanh tra số: 05/KL-TT, ngày 08/9/2015 của Thanh tra tỉnh C xác định Ủy ban nhân dân thành phố C đã thực hiện sai sót trong phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Trần Phương Q, nên đã chi bồi thường thừa số tiền 84.381.846 đồng. Sai sót cụ thể là theo hồ sơ hiện trạng khi lập phương án bồi thường thì tại căn nhà 01 của ông Trần Phương Q diện tích bị ảnh hưởng phải giải tỏa chỉ đến phần cột chịu lực, diện tích còn lại không bị ảnh hưởng là 50,85m² cùng với kết cấu nhà cấp IV, hộ gia đình chỉ có 03 nhân khẩu thì đủ điều kiện để tồn tại và ông Trần Phương Q cũng có yêu cầu xin tái định cư trên phần nhà cũ còn lại. Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau xác định diện tích nhà còn lại đủ điều kiện để tồn tại nhưng do việc tháo dỡ nên nhà bị phá dỡ kết cấu; hộ gia đình đông con nên không đủ điều kiện để sinh hoạt, nên lập phương án bồi thường toàn bộ căn nhà.

Căn cứ vào các quy định tại Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thì căn nhà 01 của ông Trần Phương Q diện tích nhà còn lại không bị ảnh hưởng cùng với kết cấu nhà, số nhân khẩu trong hộ gia đình thì việc tồn tại phần nhà còn lại như đã nêu trên là có căn cứ. Từ đó, Ủy ban nhân dân thành phố C đã khắc phục sai sót và ban hành Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 về việc phê duyệt Phương án (bổ sung lần 2) bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 về Nhận tiền bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trần Phương Q. Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 và Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 không thay thế toàn bộ cho Quyết định số: 370/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 và Thông báo số: 713/TB-HĐBT ngày 12/11/2013 mà chỉ điều chỉnh, bổ sung phần sai quy định về bồi thường căn nhà số 01 của hộ ông Trần Phương Q; bổ sung về chi phí hỗ trợ sửa chữa nhà và tăng giá trị bồi thường về phần đất bị thu hồi.

Ông Trần Phương Q cũng thừa nhận là việc Ủy ban nhân dân thành phố C lập lại Phương án bồi thường theo Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 và Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 là hoàn toàn đúng, ông thống nhất với Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 và Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 mà ông chỉ không thống nhất việc buộc ông phải nộp lại số tiền 62.755.933 đồng vì phần nhà ông đã tháo dỡ không còn tồn tại.

Từ các căn cứ trên cho thấy, Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 về việc phê duyệt Phương án (bổ sung lần 2) bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 về Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành là có căn cứ pháp luật, nên việc ông Trần Phương Q phải hoàn lại số tiền đã được bồi thường thừa 84.381.846 đồng được đối trừ phần tăng thêm về giá trị đất là 22.075.912 đồng, số tiền phải nộp lại 62.755.933 đồng là phù hợp và đúng quy định.

Do Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 và Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 được xác định là có căn cứ nên việc giải quyết khiếu nại đối với ông Trần Phương Q tại Quyết định số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố C và Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh C là có cơ sở công nhận và không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phương Q về việc hủy Quyết định số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố C và Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh C.

[6] Tại phiên tòa, ông Trần Phương Q xác định là Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 về việc phê duyệt Phương án (bổ sung lần 2) bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 về Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng quy định nên ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu hủy Quyết định số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố C; Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại và không yêu cầu hủy các Quyết định hành chính, văn bản hành chính có liên quan mà ông chỉ yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C hoàn trả lại số tiền 62.755.933 đồng mà ông đã nộp xong theo Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phương Q là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 143 của Luật Tổ tụng Hành chính đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phương Q về việc hủy Quyết định số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố C; Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại. Đồng thời, Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 và Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015 được xác định là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của

ông Trần Phương Q về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố C hoàn trả lại số tiền 62.755.933 đồng mà ông Trần Phương Q đã nộp xong theo Thông báo số: 368/TB-HĐBT ngày 18/8/2015.

[7] Tại phiên tòa, ông Trần Phương Q cho rằng từ việc Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau thực hiện điều tra hiện trạng, khảo sát lập phương án bồi thường có sai sót dẫn đến phê duyệt phương án bồi thường không đúng quy định của pháp luật; tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định số: 370/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 phê duyệt Dự án Nâng cấp đô thị đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố C và Thông báo số: 713/TB-HĐBT ngày 12/11/2013 về việc Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã dẫn đến thiệt hại cho hộ gia đình ông do Ủy ban nhân dân thành phố C buộc ông phải tháo dỡ toàn bộ 02 căn nhà nên ông yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình của ông. Còn Ủy ban nhân dân thành phố C thì cho rằng việc lập phương án bồi thường (lần 1) thì trên văn bản xác định bồi thường toàn bộ 02 căn nhà cho hộ ông Trần Phương Q là nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ trong việc sửa chữa nhà là hoàn toàn có lợi cho hộ gia đình ông Trần Phương Q, còn trên thực tế thì Ủy ban nhân dân thành phố C chỉ yêu cầu hộ ông Trần Phương Q giải tỏa nhà đến phần ranh giải phóng mặt bằng. Còn việc ông Trần Phương Q tháo dỡ toàn bộ 02 căn nhà là do sự tự nguyện của ông Trần Phương Q, nên Ủy ban nhân dân thành phố không chấp nhận yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại.

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Trần Phương Q được đặt ra là thực tế do việc tháo dỡ toàn bộ căn nhà số 01 của ông Trần Phương Q đã xảy ra. Tuy nhiên, yêu cầu về bồi thường thiệt hại được ông Trần Phương Q đặt ra tại phiên tòa nên các bên tham gia tố tụng không đủ điều kiện để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về thiệt hại, chưa đủ điều kiện để làm cơ sở xác định lỗi của các bên và yêu cầu này vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do vậy, việc bồi thường thiệt hại do ông Trần Phương Q đặt ra tại phiên tòa được tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi ông Trần Phương Q có yêu cầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Luật Tố tụng Hành chính.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Ông Trần Phương Q là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Trần Phương Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 30, 32, 116, Khoản 2 Điều 7; các Điều 143; 144; 193, 348 của Luật tố tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phương Q về việc hủy Quyết định số: 5353/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định số: 707/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại.

Ông Trần Phương Q không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu bị đình chỉ theo quy định tại Khoản 1 Điều 144 của Luật Tố tụng Hành chính.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu của ông Trần Phương Q về buộc Ủy ban nhân dân thành phố C hoàn trả lại số tiền 62.755.933 đồng.

3. Tách việc bồi thường thiệt hại của ông Trần Phương Q để giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung khi ông Trần Phương Q có yêu cầu.

4. Ông Trần Phương Q được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục THA DS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương

